TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HÀ GIANG** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: 10/2021/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 22 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Điều 212, 213, khoản 2 Điều 149, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57,81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 289/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Chị La Thị N

Địa chỉ: Tổ 7, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Anh Giang Văn V

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2021, chị La Thị N và anh Giang Văn V đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc dân sự, cụ thể như sau:

[1]. Quan hệ hôn nhân: Chị La Thị N và anh Giang Văn V nhất trí thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Chị N và anh V cùng thống nhất giao cháu Giang Hải Đ, sinh ngày 03/9/2014 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000^{đ} cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 01/2021.

[3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Chị N tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị La Thị N và anh Giang Văn V tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Giang Hải Đ, sinh ngày 03/9/2014 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000^{đ}(Một triệu năm trăm nghìn đồng chẵn) cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Người trực tiếp nhận tiền là chị La Thị N, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 01/2021.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Anh Đ có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Hai bên đương sự thỏa thuận chị N tự nguyện chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng),(chị N đã nộp thay anh V 150.000^{đ}), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang, biên lai số 0002403 ngày 22 tháng 12 năm 2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7^{a} và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP;
- TAND tỉnh;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Y, huyện B;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Kim Quy